TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Ông Trần Đặng Hồng Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 háng 11 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm: 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02; ấp Bình Châu, xã Bình L, huyện Châu Ph , tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T , sinh năm: 1987

Nơi cư trú: ấp Bình An 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 09/7/2024 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình L, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang

vào ngày 15/6/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau. Giữa chị và anh T ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cả hai không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh T; yêu cầu ly hôn với anh.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Ngọc Th sinh ngày 07/5/2009. Hiện cháu Th đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy L*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2025 nội dung đơn thể hiện vẫn giữ yêu cầu ly hôn; về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Phiếu xác minh về nơi cư trú đương sự thể hiện anh T có nơi cư trú: ấp Bình An 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Ngày 14/5/2025 chị Huỳnh Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị.

Riêng đối với anh Trần Thanh T Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh tại Công an xã An Hòa, huyện Châu Thành nội dung thể hiện anh T hiện nay không có mặt ở địa phương; vẫn còn đăng ký HKTT tại địa phương. Do đó, Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào ngày 15/6/2009 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; nhưng chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn; anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Điều này thể hiện cả anh chị không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa chị L, anh T ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị L có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa anh chị có 01 con chung Trần Ngọc Th sinh ngày 07/5/2009; hiện cháu Th đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không có văn bản trình bày ý kiến về con chung. Cháu Th đang chung sống với chị L từ khi anh chị ly thân nhau cho đến nay. Đồng thời, cháu Th có văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2025 có nguyện vọng sống với mẹ (chị L). Do đó, yêu cầu của chị L phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thùy L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị L, anh T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy L; Chị L được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2.Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thùy L được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Th sinh ngày 07/5/2009. Chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007805 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Thùy L; anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- cơ quan đăng ký kết hôn;
- Phòng TTra, kiểm tra và Thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang